

Phụ lục số III: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIẢM TỶ LỆ NGHÈO ĐA CHIỀU NĂM 2025

S T T	Thôn	Số hộ	Kết quả tỷ lệ nghèo đa chiều cuối năm 2024						Kế hoạch giảm tỷ lệ nghèo đa chiều so với năm 2024														
			Tỷ lệ nghèo đa chiều	Tổng số hộ nghèo và cận nghèo	Trong đó				Tỷ lệ nghèo đa chiều	Số hộ nghèo, cận nghèo	Tỷ lệ giảm nghèo đa chiều	Hộ nghèo, cận nghèo không có khả năng lao động	Số hộ thoát nghèo, cận nghèo	Hộ nghèo					Hộ cận nghèo				
					Hộ nghèo		Hộ cận nghèo							Tổng số	Tỷ lệ	Hộ nghèo không có khả năng lao động	Tỷ lệ giảm	Số hộ thoát	Tổng số	Tỷ lệ	Hộ cận không có khả năng lao động	Tỷ lệ giảm	Số hộ thoát
			%	Hộ	Hộ	%	Hộ	%	%	Hộ	%	Hộ	Hộ	Hộ	%	Hộ	%	Hộ	Hộ	%	Hộ	%	Hộ
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		13	14	15	16		17	18	19
1	Ngọc Thạnh 1	866	3,35	29	6	0,69	23	2,66	3,00	26	0,35		3	5	0,58		0,12	1	21	2,42		0,23	2
2	Ngọc Thạnh 2	567	0,88	5	1	0,18	4	0,71	0,71	4	0,18		1	0	0,00		0,18	1	4	0,71		0,00	0
3	An Hoà 1	720	3,06	22	5	0,69	17	2,36	2,78	20	0,28		2	4	0,56		0,14	1	16	2,22		0,14	1
4	An Hoà 2	701	2,28	16	6	0,86	10	1,43	2,00	14	0,29		2	5	0,71		0,14	1	9	1,28		0,14	1
5	An Sơn 1	431	4,64	20	3	0,70	17	3,94	4,18	18	0,46		2	2	0,46		0,23	1	16	3,71		0,23	1
6	An Sơn 2	528	1,70	9	3	0,57	6	1,14	1,33	7	0,38		2	2	0,38		0,19	1	5	0,95		0,19	1
7	Đại Hội	635	2,68	17	3	0,47	14	2,20	2,36	15	0,31		2	2	0,31		0,16	1	13	2,05		0,16	1
8	Quy Hội	479	1,25	6	2	0,42	4	0,84	1,04	5	0,21		1	2	0,42		0,00		3	0,63		0,21	1
9	Thanh Huy 1	456	2,41	11	3	0,66	8	1,75	1,97	9	0,44		2	2	0,44		0,22	1	7	1,54		0,22	1
10	Thanh Huy 2	340	1,76	6	2	0,59	4	1,18	1,47	5	0,29		1	2	0,59		0,00		3	0,88		0,29	1
TỔNG CỘNG		5723	2,46	141	34	0,59	107	1,87	2,15	123	0,31	0	18	26	0,45	0	0,14	8	97	1,69	0	0,17	10

